ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 62/2020/TB-LPQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2020

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Ấn Độ về Chuyển giao người bị kết án phạt tù, ký tại Hà Nội ngày 01 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2020.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ LUẬT PHÁP
VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Ngự

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CỘNG HÒA ẤN ĐỘ

VỀ

CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CỘNG HÒA ẤN ĐỘ

VỀ CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Ấn Độ, sau đây gọi là "các Nước ký kết";

Với mong muốn tạo điều kiện thuận lợi để những người bị kết án phạt tù tái hòa nhập cộng đồng ở đất nước của họ; và

Nhận thức rằng có thể đạt được mục tiêu này thông qua việc tạo cơ hội cho người nước ngoài bị kết án phạt tù do phạm tội được thi hành phần hình phạt còn lại ở đất nước của mình;

Đã thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1

Giải thích từ ngữ

Trong Hiệp định này:

a) "Bản án" là quyết định hoặc lệnh của Tòa án tuyên hình phạt;

b) "Nước nhận" là Nước mà người bị kết án có thể hoặc đã được chuyển giao đến để thi hành hình phạt hoặc tiếp tục thi hành hình phạt;

c) "Hình phạt" là bất kỳ sự trừng phạt hoặc biện pháp tước tự do có thời hạn hoặc chung thân do Toà án tuyên nhằm thực thi quyền tài phán hình sự;

d) "Người bị kết án" là người đang thi hành hình phạt tù theo bản án của Toà án hình sự bao gồm các Tòa được thành lập theo pháp luật hiện hành của các Nước ký kết;

e) "Nước chuyển giao" là Nước đã tuyên hình phạt đối với người bị kết án có thể hoặc đã được chuyển giao.

ĐIỀU 2

Các nguyên tắc chung

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật của mỗi Nước, các Nước ký kết sẽ dành cho nhau sự hợp tác toàn diện nhất trong lĩnh vực chuyển giao người bị kết án phạt tù.

2. Một người bị kết án trên lãnh thổ của một Nước ký kết có thể được chuyển giao sang lãnh thổ Nước ký kết kia phù hợp với các quy định của Hiệp định này để tiếp tục thi hành hình phạt đã tuyên đối với người đó. Để thực hiện Điều này, người bị kết án có thể bày tỏ nguyện vọng được chuyển giao theo Hiệp định này đối với Nước chuyển giao hoặc Nước nhận.

3. Người bị kết án là công dân của một Nước ký kết hoặc người đại diện hợp pháp của họ theo pháp luật của Nước ký kết có thể đề nghị chuyển giao bằng việc gửi đơn đến bất kỳ Nước ký kết nào và theo cách thức được quy định bởi Chính phủ của Nước ký kết đó.

4. Việc chuyển giao người bị kết án có thể do Nước chuyển giao hoặc Nước nhận yêu cầu.

ĐIỀU 3

Cơ quan trung ương

1. Vì mục đích thực thi Hiệp định này, mỗi Nước ký kết chỉ định một Cơ quan trung ương.

2. Cơ quan trung ương thực hiện Hiệp định này của các Nước ký kết là:

- Đối với Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Bộ Công an;

- Đối với Cộng hòa Ấn Độ: Bộ Nội vụ.

3. Trong trường hợp một trong các Nước ký kết thay đổi Cơ quan trung ương của mình, phải thông báo cho Nước kia thông qua kênh ngoại giao.

ĐIỀU 4

Điều kiện chuyển giao

Theo Hiệp định này, người bị kết án có thể được chuyển giao nếu có đủ các điều kiện sau:

a) Người bị kết án là công dân của Nước nhận;

b) Người bị kết án không bị áp dụng hình phạt tử hình;

c) Bản án là bản án đã có hiệu lực pháp luật;

d) Không còn thủ tục tố tụng hình sự đang chờ tiến hành đối với người bị kết án tại Nước chuyển giao mà cần người đó có mặt;

e) Người bị kết án không bị kết án về một tội theo luật quân sự hoặc về một tội quân sự;

f) Tính từ thời điểm nhận được yêu cầu chuyển giao, người bị kết án vẫn còn phải chấp hành hình phạt tù ít nhất là một năm hoặc đang chấp hành hình phạt tù chung thân; trong trường hợp đặc biệt, các Nước ký kết có thể đồng ý về việc chuyển giao kể cả khi thời gian còn phải chấp hành hình phạt của người bị kết án ít hơn một năm;

g) Hành động hoặc không hành động mà người đó đã bị kết án tại Nước chuyển giao cũng được coi là tội phạm tại Nước nhận hoặc sẽ cấu thành tội phạm hình sự nếu như được thực hiện trên lãnh thổ của Nước nhận;

h) Việc chuyển giao giam giữ người bị kết án đến Nước nhận không được xâm hại tới chủ quyền, an ninh hoặc lợi ích cơ bản khác của Nước chuyển giao;

i) Việc chuyển giao phải có sự đồng ý của người bị kết án, hoặc sự đồng ý của người đại diện hợp pháp của người đó nếu bất kỳ Nước ký kết nào thấy cần thiết khi xem xét các điều kiện về độ tuổi, tình trạng thể chất hoặc tinh thần của người bị kết án phù hợp với pháp luật của các Nước ký kết; và

j) Nước chuyển giao và Nước nhận đều đồng ý việc chuyển giao.

ĐIỀU 5

Thủ tục chuyển giao

1. Các Nước ký kết sẽ thông báo cho người bị kết án về quyền được chuyển giao theo quy định của Hiệp định này.

2. Nếu người bị kết án đề đạt nguyện vọng được chuyển giao theo Hiệp định này đến Nước chuyển giao, Nước chuyển giao sẽ cung cấp các thông tin và tài liệu sau đây cho Nước nhận trừ khi Nước nhận hoặc Nước chuyển giao không đồng ý với việc chuyển giao:

a) Họ tên, quốc tịch, ngày sinh, nơi sinh của người bị kết án và địa chỉ của người đó tại Nước nhận, nếu có, cùng với một bản sao hộ chiếu hoặc bất kỳ giấy tờ tùy thân nào khác và dấu vân tay của người bị kết án, nếu có thể;

b) Bản mô tả tình tiết sự kiện làm cơ sở cho việc tuyên hình phạt;

c) Bản chất, thời hạn và ngày bắt đầu chấp hành hình phạt;

d) Một bản sao chứng thực của bản án và bản sao các quy định pháp luật có liên quan làm căn cứ để tuyên hình phạt đối với người bị kết án;

e) Một bản báo cáo về tình trạng sức khỏe, quan hệ xã hội hoặc bất kỳ thông tin khác về tiểu sử và tính cách của người bị kết án, để làm cơ sở cho việc giải quyết đơn xin chuyển giao của người đó hoặc để quyết định biện pháp giam giữ người đó;

f) Các thông tin khác do Nước nhận yêu cầu để giúp cho việc xem xét khả năng chuyển giao người bị kết án và giúp thông báo hậu quả của việc chuyển giao cho người đó theo luật của Nước nhận;

(g) Văn bản đề nghị được chuyển giao của người bị kết án hoặc của người đại diện hợp pháp của người đó phù hợp với luật của Nước chuyển giao;

(h) Một bản báo cáo về thời hạn đã thi hành bản án, bao gồm thông tin về việc giam giữ trước khi xét xử, việc miễn giảm hoặc bất kỳ thông tin khác liên quan đến việc thi hành bản án; và

(i) Một bản tuyên bố của Nước chuyển giao về sự đồng ý chuyển giao của người bị kết án.

3. Nếu người bị kết án đề đạt nguyện vọng được chuyển giao với Nước nhận, Nước nhận sẽ thông báo cho Nước chuyển giao. Khi Nước chuyển giao đồng ý về mặt nguyên tắc với yêu cầu chuyển giao phải thông báo ngay cho Nước nhận bằng văn bản và cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Để thi hành một quyết định được đưa ra trên cơ sở một yêu cầu theo Hiệp định này, Nước nhận sẽ cung cấp các thông tin và tài liệu sau đây cho Nước chuyển giao trừ khi Nước nhận hoặc Nước chuyển giao đã quyết định sẽ không đồng ý với việc chuyển giao:

a) Một bản tuyên bố hoặc văn bản khẳng định rằng người bị kết án là công dân của Nước nhận;

b) Một bản sao pháp luật hiện hành của Nước nhận quy định rằng hành động hoặc không hành động làm căn cứ để tuyên hình phạt tại Nước chuyển giao cũng cấu thành tội phạm theo pháp luật của Nước nhận, hoặc có thể cấu thành tội phạm nếu thực hiện trên lãnh thổ của Nước nhận;

c) Một thông báo về việc áp dụng bất kỳ luật hoặc quy định liên quan đến thời hạn và việc thi hành hình phạt tại Nước nhận sau khi chuyển giao người bị kết án, kể cả một thông báo về việc áp dụng khoản 2 Điều 9 Hiệp định này, nếu có;

d) Văn bản xác nhận của Nước nhận đồng ý việc chuyển giao người bị kết án và bản cam kết thi hành phần hình phạt tù còn lại của người bị kết án phạt tù; và

e) Các thông tin hoặc tài liệu khác mà Nước chuyển giao xét thấy cần thiết.

5. Nước chuyển giao sẽ thông báo bằng văn bản cho người bị kết án về mọi hoạt động của Nước chuyển giao hoặc Nước nhận theo quy định tại Điều này.

ĐIỀU 6

Yêu cầu và việc trả lời

1. Yêu cầu chuyển giao sẽ được lập bằng văn bản theo mẫu được quy định sẵn, nếu có, và do Cơ quan trung ương của Nước chuyển giao gửi trực tiếp hoặc thông qua kênh ngoại giao đến Cơ quan trung ương của Nước nhận. Việc trả lời cũng sẽ được tiến hành thông qua cách thức tương tự giữa các Cơ quan trung ương.

2. Nước nhận sẽ thông báo ngay lập tức cho Nước chuyển giao về việc có hay không đồng ý với yêu cầu chuyển giao.

ĐIỀU 7

Sự đồng ý và việc xác nhận

1. Nước chuyển giao phải đảm bảo rằng người bị kết án phạt tù đồng ý với việc chuyển giao theo điểm i Điều 4 Hiệp định này là tự nguyện và với nhận thức đầy đủ về hậu quả pháp lý kèm theo. Thủ tục đưa ra sự đồng ý về việc chuyển giao sẽ tuân theo pháp luật của Nước chuyển giao.

2. Nước chuyển giao phải tạo điều kiện cho Nước nhận xác minh sự đồng ý của người bị kết án là phù hợp với các điều kiện nêu tại khoản 1 Điều này.

ĐIỀU 8

Hiệu lực của việc chuyển giao đối với Nước nhận

1. Các cơ quan có thẩm quyền của Nước nhận sẽ tiếp tục thi hành hình phạt bằng quyết định của tòa án hoặc quyết định hành chính theo quy định pháp luật quốc gia và phù hợp với các điều kiện được quy định ở Điều 9 của Hiệp định này.

2. Theo các quy định tại Điều 11 của Hiệp định này, việc thi hành hình phạt sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật của Nước nhận và chỉ có Nước đó mới có thẩm quyền thi hành các quyết định thích hợp.

ĐIỀU 9

Tiếp tục thi hành hình phạt

1. Nước nhận sẽ bị ràng buộc bởi bản chất pháp lý và thời hạn của hình phạt mà Nước chuyển giao đã tuyên.

2. Nếu bản chất hoặc thời hạn của hình phạt đó không tương thích với pháp luật của Nước nhận thì Nước nhận, với sự đồng ý trước của Nước chuyển giao, bằng quyết định tòa án hoặc quyết định hành chính, có thể chuyển đổi hình phạt đó cho phù hợp với hình phạt mà pháp luật của quốc gia quy định đối với tội phạm tương tự. Xét về tính chất và thời hạn của hình phạt, hình phạt được chuyển đổi sẽ, trong chừng mực có thể, tương ứng với hình phạt đã được tuyên theo bản án của Nước chuyển giao. Tuy nhiên, hình phạt chuyển đổi không được nghiêm khắc hơn hình phạt mà Nước chuyển giao đã tuyên về bản chất hoặc thời hạn. Khi chuyển đổi hình phạt, cơ quan có thẩm quyền của Nước nhận không được chuyển đổi hình phạt tù thành hình phạt tiền.

ĐIỀU 10

Hiệu lực của việc thi hành xong hình phạt đối với Nước chuyển giao

Khi Nước nhận thông báo cho Nước chuyển giao về việc hình phạt đã được thi hành xong theo điểm a khoản 1 Điều 13 của Hiệp định này, thông báo đó sẽ có giá trị miễn trừ hình phạt đó ở Nước chuyển giao.

ĐIỀU 11

Việc xem xét lại bản án và đặc xá, đại xá hoặc giảm án

1. Chỉ Nước chuyển giao mới có quyền xem xét lại bản án.

2. Một trong các Nước ký kết có thể quyết định đặc xá, đại xá hoặc giảm án phù hợp với Hiến pháp hoặc các luật khác của mình.

ĐIỀU 12

Chấm dứt việc thi hành án

1. Nước chuyển giao sẽ thông báo ngay cho Nước nhận về bất kỳ quyết định được đưa ra trên lãnh thổ của quốc gia mà hậu quả là làm chấm dứt thi hành toàn bộ hay một phần hình phạt.

2. Nước nhận sẽ chấm dứt thi hành toàn bộ hoặc một phần hình phạt ngay khi Nước chuyển giao thông báo về quyết định hoặc biện pháp dẫn đến việc chấm dứt thi hành hình phạt.

ĐIỀU 13

Thông tin về việc thi hành hình phạt

1. Nước nhận sẽ thông báo cho Nước chuyển giao:

a) Khi hình phạt đã thi hành xong; hoặc

b) Khi người bị kết án phạt tù bỏ trốn khỏi nơi giam giữ trước khi chấp hành xong hình phạt. Trong trường hợp đó, Nước nhận sẽ tiến hành bắt giữ người đó để tiếp tục thi hành án phạt tù và truy cứu trách nhiệm người đó vì phạm một tội theo quy định pháp luật của Nước nhận.

2. Nước nhận sẽ cung cấp một bản báo cáo đặc biệt về việc thi hành hình phạt nếu Nước chuyển giao yêu cầu.

ĐIỀU 14

Quá cảnh

1. Nếu một Nước ký kết thỏa thuận chuyển giao người bị kết án phạt tù với Nước thứ ba, Nước ký kết kia sẽ, phù hợp với pháp luật của mình, hợp tác tạo điều kiện thuận lợi cho việc quá cảnh qua lãnh thổ của mình người bị kết án được chuyển giao theo thỏa thuận đó, trừ khi Nước đó từ chối cho phép quá cảnh:

a) Nếu người bị kết án là công dân của nước mình;

b) Nếu yêu cầu quá cảnh có thể vi phạm chủ quyền, an ninh, trật tự công cộng hay bất kỳ lợi ích cơ bản khác của Nước ký kết đó.

2. Nước ký kết có ý định quá cảnh phải thông báo trước cho Nước ký kết kia về việc quá cảnh đó.

ĐIỀU 15

Chi phí

Chi phí phát sinh trong việc thi hành Hiệp định này do Nước nhận chi trả trừ những chi phí phát sinh hoàn toàn trong phạm vi lãnh thổ của Nước chuyển giao. Tuy nhiên, Nước nhận có thể thu lại một phần hoặc toàn bộ chi phí chuyển giao từ người bị kết án hoặc các nguồn khác.

ĐIỀU 16

Ngôn ngữ

Yêu cầu chuyển giao và các tài liệu liên quan được lập bằng tiếng Anh hoặc kèm theo bản dịch sang tiếng Anh.

ĐIỀU 17

Phạm vi áp dụng

Hiệp định này sẽ áp dụng với việc thi hành các hình phạt đã được tuyên trước hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

ĐIỀU 18

Giải quyết bất đồng

1. Các Cơ quan trung ương sẽ cùng nhau giải quyết mọi bất đồng phát sinh từ việc giải thích, áp dụng hoặc thực thi Hiệp định này.

2. Trường hợp các Cơ quan trung ương không giải quyết được bất đồng thì có thể giải quyết thông qua kênh ngoại giao.

ĐIỀU 19

Bàn giao người bị kết án

1. Việc bàn giao người bị kết án từ Nước chuyển giao đến Nước nhận sẽ diễn ra tại địa điểm và thời gian do các Nước thỏa thuận. Nước nhận chịu trách nhiệm về việc di chuyển phạm nhân từ Nước chuyển giao và cũng chịu trách nhiệm đối với việc giam giữ người bị kết án đó ở ngoài lãnh thổ của Nước chuyển giao.

2. Việc bàn giao người bị kết án phạt tù phải được lập thành hai bản bằng tiếng Anh. Mỗi Nước ký kết giữ một bản.

ĐIỀU 20

Sửa đổi, bổ sung

Bất kỳ sửa đổi, bổ sung đối với Hiệp định này do các Nước ký kết thỏa thuận sẽ có hiệu lực theo cùng cách thức như chính Hiệp định này.

ĐIỀU 21

Điều khoản cuối cùng

1. Hiệp định này phải được phê chuẩn. Mỗi Nước ký kết sẽ thông báo bằng văn bản cho Nước kia vào thời điểm sớm nhất có thể, thông qua kênh ngoại giao, về việc hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng thứ hai kể từ ngày nhận được văn kiện phê chuẩn sau cùng.

2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn. Tuy nhiên, Hiệp định này có thể chấm dứt hiệu lực khi một Nước ký kết thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hiệu lực cho Nước ký kết kia. Việc chấm dứt hiệu lực sẽ có hiệu lực sau sáu tháng kể từ ngày nhận được thông báo đó.

3. Khi Hiệp định này chấm dứt hiệu lực, Hiệp định này vẫn tiếp tục được áp dụng để thi hành hình phạt đối với người bị kết án phạt tù đã được chuyển giao theo Hiệp định này trước ngày việc chấm dứt Hiệp định có hiệu lực.

4. Hiệp định này không ảnh hưởng đến các quyền hoặc nghĩa vụ của các Nước ký kết theo các hiệp định hoặc thỏa thuận quốc tế khác mà Nước đó là một bên ký kết.

Để làm bằng, các đại diện dưới đây, được ủy quyền đầy đủ bởi Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Ấn Độ, đã ký Hiệp định này.

Làm tại New Delhi, ngày 01 tháng 11 năm 2013 thành hai (02) bản gốc, được lập bằng tiếng Việt, tiếng Hin-đi và tiếng Anh, các bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích, bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

THAY MẶT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** **VIỆT NAM**	**THAY MẶT** **CỘNG HÒA** **ẤN ĐỘ**
TRẦN ĐẠI QUANG **BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN**	**SUSHILKUMAR SHINDE** **BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

AGREEMENT

BETWEEN

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE REPUBLIC OF INDIA

ON

THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS

AGREEMENT
BETWEEN
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE REPUBLIC OF INDIA
ON THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS

The Socialist Republic of Viet Nam and the Republic of India, hereinafter referred to as the "Contracting States";

Desiring to facilitate the social rehabilitation of sentenced persons into their own countries; and

Considering that this objective should be fulfilled by giving foreign nationals, who have been convicted and sentenced as a result of their commission of a criminal offence, the opportunity to serve their sentences in their own society;

Have agreed as follows:

ARTICLE 1

Definitions

For the purpose of this Agreement:

(a) "judgment" means a decision or order of a court or tribunal imposing a sentence;

(b) "Receiving State" means a State to which the sentenced person may be, or has been, transferred in order to serve his sentence or remainder thereof;

(c) "sentence" means any punishment or measure involving deprivation of liberty ordered by a court or tribunal for a determinate period of time or for life imprisonment in the exercise of its criminal jurisdiction;

(d) "sentenced person" means a person undergoing a sentence of imprisonment under a judgment passed by a criminal court including the courts established under the law for the time being in force in the Contracting States;

(e) "Transferring State" means the State in which the sentence was imposed on the person who may be, or has been transferred.

ARTICLE 2

General Principles

1. The Contracting States shall afford each other the widest measure of cooperation in respect of the transfer of sentenced persons in accordance with the provisions of this Agreement and each State's law.

2. A person sentenced in the territory of one Contracting State may be transferred to the territory of the other Contracting State in accordance with the provisions of this Agreement in order to serve the sentence imposed on him. To that end, he/she may express to the Transferring State or the Receiving State his/her willingness to be transferred under this Agreement.

3. Transfer may be requested by any sentenced person who is a national of a Contracting State or by any other person who is entitled to act on his behalf in accordance with the law of the Contracting State by making an application to either Contracting State and in the manner prescribed by the Government of that Contracting State.

4. The transfer of sentenced persons may be requested by either the Transferring State or the Receiving State.

ARTICLE 3

Central Authorities

1. For the purpose of implementing this Agreement, each Contracting State shall designate a Central Authority.

2. Central Authorities in charge of the implementation of this Agreement for the Contracting States are:

- For the Socialist Republic of Viet Nam: Ministry of Public Security;

- For the Republic of India: Ministry of Home Affairs.

3. In case either Contracting State changes its Central Authority, it shall notify the other State of the same through diplomatic channels.

ARTICLE 4

Conditions for Transfer

A sentenced person may be transferred under this Agreement on the following conditions:

(a) the person is a national of the Receiving State;

(b) the death penalty has not been imposed on the sentenced person;

(c) the judgment is final;

(d) no criminal proceedings are pending against the sentenced person in the Transferring State in which his presence is required;

(e) the sentenced person has not been convicted for an offence under the military law or military offence;

(f) at the time of receipt of the request for transfer, the sentenced person still has at least one year of the sentence to serve or is undergoing a sentence of life imprisonment; in exceptional cases, the Contracting States may agree to a transfer even if the sentenced person has less than one year;

(g) the acts or omissions for which that person was sentenced in the Transferring State are those which are punishable as a crime in the Receiving State, or would constitute a criminal offence if committed on its territory;

(h) the transfer of custody of the sentenced person to the Receiving State shall not be prejudicial to the sovereignty, security or any other essential interest of the Transferring State;

(i) consent to the transfer is given by the sentenced person or, where in view of his/her age or physical or mental condition either Contracting State considers it necessary, by any other person entitled to act on his behalf in accordance with the law of the Contracting States; and

(j) the Transferring and Receiving States agree to the transfer.

ARTICLE 5

Procedures for Transfer

1. The Contracting States shall endeavour to inform sentenced persons of the substance of this Agreement.

2. If the sentenced person has expressed an interest to the Transferring State in being transferred under this Agreement, the Transferring State shall send the following information and documents to the Receiving State unless either the Receiving or the Transferring State has already decided that it will not agree to the transfer:

(a) the name and nationality, date and place of birth of the sentenced person and his address, if any, in the Receiving State along with a copy of his passport or any other personal identification documents, and fingerprint of the sentenced person, as possible;

(b) a statement of the facts upon which the sentence was based;

(c) the nature, duration and date of commencement of the sentence;

(d) a certified copy of the judgment and a copy of the relevant provisions of the law under which the sentence has been passed against the sentenced person;

(e) a medical, social or any other report regarding the antecedents and character of the sentenced person, where it is relevant for the disposal of his application or for deciding the nature of his/her confinement;

(f) any other information which the Receiving State may specify as required, to enable it to consider the possibility of transfer and to enable it to inform the sentenced person of the full consequences of transfer for him/her under its law;

(g) the request of the sentenced person to be transferred or of a person entitled to act on his behalf in accordance with the law of the Transferring State; and

(h) a statement indicating how much of the sentence has already been served, including information on any pre-trial detention, remission, or any other factor relevant to the enforcement of the sentence;

(i) a statement from the Transferring State agreeing to the transfer of the sentenced person.

3. If a sentenced person expresses an interest to the Receiving State to be transferred, the Receiving State shall so inform the Transferring State. If the Transferring State is prepared, in principle, to approve the request for transfer, the Transferring State shall promptly inform the Receiving State in writing, and provide the information referred to in paragraph 2 of this Article.

4. For the purpose of enabling a decision to be made on a request under this Agreement, the Receiving State shall send the following information and documents to the Transferring State unless either the Receiving or the Transferring State has already decided that it will not agree to the transfer:

(a) a statement or document indicating that the sentenced person is a national of the Receiving State;

(b) a copy of the relevant law of the Receiving State which provides that the acts or omissions on account of which the sentence has been imposed in the Transferring State constitute a criminal offence according to the law of the Receiving State, or would constitute a criminal offence if committed on its territory;

(c) a statement of the effect of any law or regulation relating to the duration and enforcement of the sentence in the Receiving State after the sentenced person's transfer including, if applicable, a statement of the effect of paragraph 2 of Article 9 of this Agreement on his transfer;

(d) the willingness of the Receiving State to accept the transfer of the sentenced person and an undertaking to administer the remaining part of the sentence of the sentenced person; and

(e) any other information or document which the Transferring State may consider necessary.

5. The Transferring State shall inform the sentenced person in writing of any action taken by the Transferring State or the Receiving State under provisions of this Article.

ARTICLE 6

Requests and Replies

1. Requests for transfer shall be made in writing in the prescribed pro-forma, if any, and addressed by the Central Authority of the Transferring State directly or through diplomatic channels to the Central Authority of the Receiving State. Replies shall be communicated through the same channels.

2. The Receiving State shall promptly inform the Transferring State of its decision whether or not to agree to the requested transfer.

ARTICLE 7

Consent and its Verification

1. The Transferring State shall ensure that the person required to give consent to the transfer in accordance with subparagraph (i) of Article 4 of this Agreement, does so voluntarily and with full knowledge of the legal consequences thereof. The procedure for giving such consent shall be governed by the law of the Transferring State.

2. The Transferring State shall afford an opportunity to the Receiving State to verify that the consent is given in accordance with the conditions set out in paragraph 1 of this Article.

ARTICLE 8

Effect of Transfer for the Receiving State

1. The competent authorities of the Receiving State shall continue the enforcement of the sentence through a court or administrative order, as may be required under its national law, under the conditions set out in Article 9 of this Agreement.

2. Subject to the provisions of Article 11 of this Agreement, the enforcement of the sentence shall be governed by the law of the Receiving State and that State alone shall be competent to take all appropriate decisions.

ARTICLE 9

Continued Enforcement of Sentence

1. The Receiving State shall be bound by the legal nature and duration of the sentence as determined by the Transferring State.

2. If the sentence is by its nature or duration, or both, incompatible with the law of the Receiving State, that State may, with the prior consent of the Transferring State, by court or administrative order, adapt the sentence to a sentence prescribed by its own law for a similar offence. As to its nature and duration, the adapted sentence shall, as far as possible, correspond with that imposed by the judgment of the Transferring State. It shall, however, not aggravate, by its nature or duration, the sentence imposed by the Transferring

State. When adapting the sentence, the competent authority of the Receiving State may not convert an imprisonment punishment to a pecuniary sanction.

ARTICLE 10

Effect of Completion of Sentence for the Transferring State

When the Receiving State notifies the Transferring State under paragraph 1 (a) of Article 13 of this Agreement that the sentence has been completed, such notification shall have the effect of discharging the sentence in the Transferring State.

ARTICLE 11

Review of Judgment and Pardon, Amnesty or Commutation

1. The Transferring State alone shall decide on any application for review of the judgment.

2. Either of the Contracting States may grant pardon, amnesty or commutation of the sentence in accordance with its Constitution or other laws.

ARTICLE 12

Termination of Enforcement of Sentence

1. The Transferring State shall promptly notify the Receiving State of any decision taken in its territory which entails terminating the enforcement of the sentence or part thereof.

2. The Receiving State shall terminate enforcement of the sentence or part thereof as soon as it is informed by the Transferring State of any decision or measure as a result of which the sentence ceases to be enforceable.

ARTICLE 13

Information on Enforcement of Sentence

1. The Receiving State shall notify the Transferring State:

(a) when the enforcement of the sentence has been completed; or

(b) if the sentenced person escapes from custody before enforcement of the sentence has been completed. In such cases, the Receiving State shall take

measures to secure his/her arrest for the purposes of serving the remainder of his sentence and to render him/her liable for committing an offence under the relevant law of the Receiving State.

2. The Receiving State shall furnish a special report concerning the enforcement of the sentence, if so required by the Transferring State.

ARTICLE 14

Transit

1. If either Contracting State enters into arrangements for the transfer of sentenced persons with any third State, the other Contracting State shall, in accordance with its laws, cooperate in facilitating the transit through its territory of the sentenced person(s) being transferred pursuant to such arrangements, except that it may refuse to grant transit:

(a) if the sentenced person is one of its own nationals;

(b) if the request may infringe upon the sovereignty, safety, public order or any other essential interest of the Contracting State.

2. The Contracting State intending to make such a transfer shall give advance notice to the other Contracting State of such transit.

ARTICLE 15

Costs

Any costs incurred in the application of this Agreement shall be borne by the Receiving State, except costs incurred exclusively in the territory of the Transferring State. The Receiving State may, however, demand or seek to recover all or part of the costs of transfer from the sentenced person or from some other sources.

ARTICLE 16

Language

Requests and supporting documents shall be in English or shall be accompanied by a translation into English.

ARTICLE 17

Scope of Application

This Agreement shall be applicable to the enforcement of sentences imposed before or after the entry into force of this Agreement.

ARTICLE 18

Settlement of Disputes

1. The Central Authorities shall endeavor to mutually resolve any dispute arising out of the interpretation, application or implementation of this Agreement.

2. If the Central Authorities are unable to resolve the dispute mutually, it shall be resolved through diplomatic channels.

ARTICLE 19

Handing Over of Sentenced Persons

1. The handing over of the transferred person by the Transferring State to the Receiving State shall occur on a date and at a place to be agreed upon between the Transferring and Receiving States. The Receiving State shall be responsible for the transport of the prisoner from the Transferring State and shall also be responsible for custody of the sentenced person outside the territory of the Transferring State.

2. The handing over of the sentenced person shall be made in writing in duplicate in English language. Each Contracting State shall keep one copy.

ARTICLE 20

Amendments

Any amendments or modifications to this Agreement agreed to by the Contracting States shall come into force in the same manner as the Agreement itself.

ARTICLE 21

Final Provisions

1. This Agreement shall be subject to ratification. Each Contracting State shall notify the other as soon as possible, in writing, through diplomatic channels, upon the completion of its legal procedures required for the entry into force of this Agreement. The Agreement shall come into force on the first day of the second month of the date of the last notification.

2. The Agreement shall remain in force for an indefinite period. It may, however, be terminated by either of the Contracting States by giving a written notice of termination to other Contracting State. The termination shall take effect after six months of the date of such notice.

3. Notwithstanding any termination, this Agreement shall continue to apply to the enforcement of sentences of prisoner who have been transferred under this Agreement before the date on which such termination takes effect.

4. This Agreement shall not affect the rights or obligations of the Contracting States under international treaties or other agreements to which they are a party.

In witness whereof, the undersigned, being duly authorized thereto by the Socialist Republic of Viet Nam and the Republic of India, have signed this Agreement.

Done at New Delhi on this .....1st..... day of November 2013 in two (02) originals, each in the Vietnamese, Hindi and English languages, all texts being equally authentic. In case of differences in interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE REPUBLIC OF INDIA
TRAN DAI QUANG MINISTER OF PUBLIC SECURITY	SUSHILKUMAR SHINDE UNION HOME MINISTER

दण्डित व्यक्तियों के अन्तरण के संबंध में भारत गणराज्य तथा वियतनाम सोशलिस्ट गणराज्य के बीच क़रार

दण्डित व्यक्तियों के अन्तरण के संबंध में भारत गणराज्य तथा वियतनाम सोशलिस्ट गणराज्य के बीच करार

भारत-गणराज्य तथा वियतनाम सोशलिस्ट गणराज्य, जिन्हें इसमें इसके बाद संविदाकार देश कहा गया है;

दण्डित व्यक्तियों का उनके स्वयं के देशों में सामाजिक पुनर्वास सुगम बनाने की अभिलाषा से; और

यह मानते हुए कि यह उद्देश्य, कोई दाण्डिक अपराध करने के परिणामस्वरूप दोषसिद्ध और दण्डित किए गए विदेशी नागरिकों को उनके स्वयं के समाज में अपनी सज़ा काटने का अवसर प्रदान करके पूरा किया जाना चाहिए;

निम्न प्रकार सहमत हो गए हैं :

अनुच्छेद 1परिभाषाएं

इस करार के प्रयोजन के लिए:

(क) ''निर्णय'' से तात्पर्य न्यायालय अथवा अधिकरण के किसी ऐसे निर्णय अथवा आदेश से है जिसके तहत दण्ड दिया गया हो;

(ख) ''प्राप्तकर्ता देश'' से तात्पर्य उस देश से है जिसको दण्डित व्यक्ति सज़ा अथवा शेष सजा काटने के प्रयोजन से अंतरित किया जा सकता हो अथवा अंतरित किया गया हो;

(ग) ''दण्ड'' से तात्पर्य किसी न्यायालय अथवा अधिकरण द्वारा अपने दाण्डिक क्षेत्राधिकार का प्रयोग करते हुए निर्धारित समयावधि के लिए या आजीवन कारावास के लिए स्वतंत्रता से वंचित रखे जाने का कोई दण्ड या उपाय है;

(घ) ''दण्डित व्यक्ति'' से तात्पर्य किसी दाण्डिक न्यायालय, जिसमें संविदाकार देशों में तत्समय प्रवृत्त विधि द्वारा स्थापित न्यायालय भी शामिल हैं, द्वारा पारित किसी निर्णय के तहत कारावास की सज़ा काट रहे व्यक्ति से है।

(ङ) ''अंतरणकर्ता देश'' से तात्पर्य उस देश से है जिसमें उस व्यक्ति को दण्ड दिया गया हो जिसे अंतरित किया जा सकता है या जिसे अंतरित कर दिया गया हो।

अनुच्छेद 2सामान्य सिद्धांत

1. इस क़रार के प्रावधानों तथा प्रत्येक देश की विधि के अनुसार दण्डित व्यक्तियों के अंतरण के संबंध में संविदाकार देश एक दूसरे को व्यापक पैमाने पर सहयोग करेंगे।

2. इस क़रार के प्रावधानों के अनुसार किसी एक संविदाकार देश के भू-भाग में दण्डित किसी व्यक्ति को उसे दी गई सज़ा अथवा शेष रह रही सज़ा काटने के लिए दूसरे संविदाकार देश के भू-भाग में अंतरित किया जा सकता है। इस संबंध में दण्डित व्यक्ति इस क़रार के अंतर्गत अन्तरणकर्ता देश अथवा प्राप्तकर्ता देश से ऐसे अंतरण के लिए अपनी इच्छा व्यक्त कर सकता है।

3. अन्तरण का अनुरोध किसी दण्डित व्यक्ति द्वारा, जो किसी संविदाकार देश का नागरिक है, अथवा संविदाकार देशों के कानून के अनुसार उसकी ओर से कार्य करने के लिए हकदार किसी अन्य व्यक्ति द्वारा, संविदाकार देश को और उक्त संविदाकार देश की सरकार द्वारा निर्धारित किए गए तरीके से आवेदन प्रस्तुत करके किया जा सकता है।

4. दण्डित व्यक्तियों के अंतरण के लिए अन्तरणकर्ता देश अथवा प्राप्तकर्ता देश में से कोई भी अनुरोध कर सकता है।

अनुच्छेद 3केन्द्रीय प्राधिकारी

(1) मंत्रालय इस करार को कार्यान्वित करने के प्रयोजनार्थ, प्रत्येक संविदाकार देश एक केन्द्रीय प्राधिकारी को नामोद्दिष्ट करेगा।

(2) संविदाकार देशों के लिए इस करार के कार्यान्वयन के लिए प्रभारी केन्द्रीय प्राधिकारी निम्नलिखित हैं:

- भारत गणराज्य के लिए : गृह मंत्रालय

- वियतनाम सोशलिस्ट गणराज्य के लिए : लोक सुरक्षा मंत्रालय

(3) यदि कोई संविदाकार देश अपना केन्द्रीय प्राधिकारी बदलता है, तो वह दूसरे देश को राजनयिक चैनलों के माध्यम से इसके बारे में अधिसूचित करेगा।

अनुच्छेद 4

अंतरण की शर्तें

इस करार के अंतर्गत किसी दण्डित व्यक्ति को निम्नलिखित शर्तों पर ही अंतरित किया जा सकता है :

(क) वह व्यक्ति प्राप्तकर्ता देश का राष्ट्रिक हो;

(ख) दण्डित व्यक्ति को मृत्युदण्ड नहीं दिया गया हो;

(ग) निर्णय अंतिम हो;

(घ) अंतरणकर्ता देश में दण्डित व्यक्ति के विरुद्ध कोई दाण्डिक कार्यवाही लम्बित नहीं हो जिसमें उसकी उपस्थिति अपेक्षित है;

(ङ) दण्डित व्यक्ति को सैन्य कानून के तहत किसी अपराध या सैन्य अपराध के लिए दोषसिद्ध न किया गया हो;

(च) अंतरण के अनुरोध की प्राप्ति के समय, दण्डित व्यक्ति द्वारा भोगी जाने वाली सज़ा की अवधि कम से कम एक वर्ष बची हो अथवा वह आजीवन कारावास की सज़ा काट रहा हो; आपवादिक मामलों में देश तब भी अंतरण करने के लिए सहमत हो सकते हैं जब दण्डित व्यक्ति की सज़ा एक वर्ष से कम की बची हो;

(छ) व्यक्ति को अंतरणकर्ता देश में जिन कृत्यों अथवा चूकों के लिए दण्ड दिया गया था, वे प्राप्तकर्ता देश में अपराध के रूप में दण्डनीय हैं, अथवा यदि उसके अपने भू-भाग में किए जाते तो दाण्डिक अपराध होते;

(ज) प्राप्तकर्ता देश में दण्डित व्यक्ति की हिरासत को अंतरित करने से अंतरणकर्ता देश की संप्रभुता, सुरक्षा अथवा किसी अन्य महत्वपूर्ण हित पर प्रतिकूल प्रभाव न पड़ता हो;

(झ) अंतरण के संबंध में दण्डित व्यक्ति द्वारा सहमति दी गई हो अथवा, दण्डित व्यक्ति की आयु अथवा शारीरिक या मानसिक स्थिति को ध्यान में रखकर संविदाकार देश द्वारा जरूरी समझे जाने पर, संविदाकार देश के कानून के अनुसार उस व्यक्ति की ओर से कार्य करने के लिए हकदार किसी अन्य व्यक्ति द्वारा सहमति दी गई हो; और

(ञ) अंतरणकर्ता और प्राप्तकर्ता देश अंतरण के संबंध में सहमत हों।

अनुच्छेद 5

अंतरण की प्रक्रिया

1. संविदाकार देश इस करार के सार की सूचना दण्डित व्यक्तियों को देने का प्रयास करेंगे।

2. यदि दण्डित व्यक्ति ने अंतरणकर्ता देश को इस करार के तहत अन्तरित होने की इच्छा व्यक्त की हो तो, अंतरणकर्ता देश प्राप्तकर्ता देश को निम्नलिखित सूचना

तथा दस्तावेज़ भेजेगा बशर्ते कि प्राप्तकर्ता या अंतरणकर्ता देश में से किसी के भी द्वारा पहले ऐसा कोई निर्णय न लिया गया हो कि वह अंतरण के लिए सहमत नहीं है :

(क) दण्डित व्यक्ति का नाम एवं राष्ट्रीयता, जन्म तिथि एवं जन्म स्थान और प्राप्तकर्ता देश में उसका पता, यदि कोई हो, और साथ ही उसके पासपोर्ट या अन्य व्यक्तिगत पहचान संबंधी दस्तावेजों की प्रति और फिंगरप्रिंट, जो भी संभव हो;

(ख) उन तथ्यों का विवरण जिन पर दण्ड आधारित था;

(ग) दण्ड की प्रकृति, समयावधि एवं प्रारंभ होने की तारीख;

(घ) निर्णय की प्रमाणित प्रति तथा कानून के उन संगत उपबंधों की एक प्रति जिनके अंतर्गत दण्डित व्यक्ति के खिलाफ दण्ड पारित किया गया है;

(ङ) दण्डित व्यक्ति की कोई चिकित्सीय, सामाजिक अथवा उसके पूर्वकृत्यों एवं चरित्र के बारे में अन्य कोई रिपोर्ट, जहां वह उसके आवेदन के निपटान अथवा उसकी परिरुद्धता की प्रकृति के निर्धारण के लिए प्रासंगिक हो;

(च) सभी मामलों में यथा अपेक्षित कोई अन्य जानकारी जिसे प्राप्तकर्ता देश विनिर्दिष्ट करे कि यह संबंधित मामले में अंतरण की संभावना पर विचार करने के लिए जरूरी है और जिससे वह अपने कानून के अंतर्गत दण्डित व्यक्ति को अंतरण के सम्पूर्ण परिणामों की जानकारी देने में सक्षम हो सके;

(छ) अंतरित किए जाने वाले दण्डित व्यक्ति अथवा अंतरणकर्ता देश के कानून के अनुसार उसकी ओर से कार्य करने के लिए पात्र किसी भी व्यक्ति का अनुरोध; और

(ज) किसी विचारण पूर्व नजरबंदी, क्षमा या दण्ड प्रवर्तन के लिए संगत किसी अन्य कारक को शामिल करते हुए, एक विवरण जिसमें यह उल्लेख किया गया हो कि कितना दण्ड पहले पूरा हो चुका है।

(झ) दण्डित व्यक्ति के अंतरण से सहमत होने के संबंध में अंतरणकर्ता देश का विवरण।

3. यदि दण्डित व्यक्ति अंतरित किए जाने के लिए प्राप्तकर्ता देश को इच्छा व्यक्त करता है तो प्राप्तकर्ता देश इसकी सूचना अंतरणकर्ता देश को देगा। यदि अंतरणकर्ता देश अंतरण के अनुरोध को सैद्धांतिक रूप से अनुमोदित करने के लिए तैयार हो जाता है तो अंतरणकर्ता देश तुरंत प्राप्तकर्ता देश को लिखित में सूचित करेगा और इस अनुच्छेद के पैरा 2 में निर्दिष्ट सूचना प्रदान करेगा।

4. इस करार के अधीन किसी अनुरोध पर कोई भी निर्णय लिए जाने के प्रयोजन से प्राप्तकर्ता देश अंतरणकर्ता देश को निम्नलिखित जानकारी एवं दस्तावेज़ भेजेगा जब तब कि प्राप्तकर्ता या अंतरणकर्ता देश ने पहले ही यह निश्चय न कर लिया हो कि वह अंतरण से सहमत नहीं है :

(क) एक विवरण अथवा दस्तावेज जो यह दर्शाता हो कि दण्डित व्यक्ति प्राप्तकर्ता देश का एक नागरिक है;

(ख) प्राप्तकर्ता देश के संगत कानून की एक प्रति जिसमें ऐसे कृत्य अथवा चूकें शामिल हैं, जिनके कारण अंतरणकर्ता देश में इस प्रकार से दण्ड पारित किया गया है, मानो वे प्राप्तकर्ता देश के कानून के अंतर्गत अपराध हों अथवा यदि, ऐसे कृत्य अथवा चूकें इसके भू-भाग में घटित हों, हुई होती तो वह अपराध होती।

(ग) दण्डित व्यक्ति के अंतरण पर इस करार के अनुच्छेद 9 के पैराग्राफ 2 के प्रभाव का विवरण, यदि लागू हो, के सहित उसके अंतरण के बाद प्राप्तकर्ता देश में दण्ड की अवधि एवं प्रवर्तन संबंधी किसी कानून अथवा विनियम के प्रभाव का विवरण;

(घ) दण्डित व्यक्ति के अंतरण को स्वीकार करने के लिए प्राप्तकर्ता देश की इच्छा और दण्डित व्यक्ति की सज़ा के बाकी बचे हिस्से को लागू करने हेतु एक वचनबद्धता; तथा

(ङ) कोई अन्य सूचना अथवा दस्तावेज जिसे अंतरणकर्ता देश आवश्यक समझे।

5. अंतरणकर्ता देश इस अनुच्छेद के उपबंधों के अंतर्गत अंतरणकर्ता देश या प्राप्तकर्ता देश द्वारा की गई कार्रवाई के बारे में दण्डित व्यक्ति को लिखित में सूचित करेगा।

अनुच्छेद 6अनुरोध एवं जवाब

1. अंतरण के लिए अनुरोध लिखित रूप में, निर्धारित प्रपत्र, यदि कोई हो, में प्रस्तुत किया जाएगा और राजनयिक माध्यम के द्वारा अनुरोधकर्ता देश के केन्द्रीय प्राधिकारी के माध्यम से प्रार्थित देश के केन्द्रीय प्राधिकारी को सम्बोधित किया जाएगा। जवाब उन्हीं माध्यमों से सूचित किए जाएंगे।

2. प्रार्थित देश शीघ्रतापूर्वक अनुरोधकर्ता देश को अपने निर्णय के बारे में सूचित करेगा कि वह प्रार्थित अंतरण के लिए सहमत है अथवा नहीं।

अनुच्छेद 7सहमति और इसका सत्यापन

1. अंतरणकर्ता देश यह सुनिश्चित करेगा कि इस करार के अनुच्छेद 4 के उप पैरा (i) के अनुसार अंतरण के लिए सहमति देने के लिए अपेक्षित व्यक्ति, ऐसा स्वेच्छा से तथा इसके कानूनी परिणामों की पूरी जानकारी के साथ कर रहा है। इस प्रकार की सहमति देने की प्रक्रिया को अंतरणकर्ता देश के कानून द्वारा शासित किया जाएगा।

2. अंतरणकर्ता देश, प्राप्तकर्ता देश को यह सत्यापित करने के लिए एक अवसर प्रदान करेगा कि सहमति, इस अनुच्छेद के पैराग्राफ 1 में निर्धारित गई शर्तों के अनुसार प्रदान की गई है।

अनुच्छेद 8प्राप्तकर्ता देश के लिए अंतरण का प्रभाव

1. प्राप्तकर्ता देश के सक्षम प्राधिकारी, इस करार के अनुच्छेद 9 में निर्धारित शर्तों के अधीन किसी न्यायालय अथवा प्रशासनिक आदेश, जैसा भी उसके राष्ट्रीय कानून के अंतर्गत अपेक्षित होगा, के माध्यम से दण्ड के प्रवर्तन को जारी रखेंगे।

2. इस करार के अनुच्छेद 11 के प्रावधानों के अध्यधीन, दण्ड का प्रवर्तन प्राप्तकर्ता देश के कानून द्वारा शासित किया जाएगा और सिर्फ वही देश समस्त समुचित निर्णय लेने के लिए सक्षम होगा।

अनुच्छेद 9

सज़ा का सतत् प्रवर्तन

1. प्राप्तकर्ता देश, अंतरणकर्ता देश द्वारा यथा-अवधारित सज़ा की कानूनी प्रकृति एवं अवधि द्वारा आबद्ध होगा।

2. तथापि, यदि दण्ड की प्रकृति अथवा अवधि अथवा दोनों ही प्राप्तकर्ता देश के कानून से असंगत हों, अथवा इसके कानून में ऐसा अपेक्षित हो, तो वह देश न्यायालय अथवा प्रशासनिक आदेश द्वारा, दण्ड को अपने स्वयं के कानून द्वारा निर्धारित दण्ड अथवा उपाय के अनुरूप बना सकेगा। जहां तक इसकी प्रकृति एवं अवधि का प्रश्न है, दण्ड अथवा उपाय यथासंभव, अंतरणकर्ता देश के निर्णय द्वारा दिए गए दण्ड के अनुरूप होगा। तथापि, यह अपनी प्रकृति अथवा अवधि द्वारा अंतरणकर्ता देश में दिए गए दण्ड में वृद्धि नहीं करेगा। सज़ा को अनुकूलित करते समय प्राप्तकर्ता देश कारावास की सज़ा को आर्थिक अनुशास्ति में परिवर्तित नहीं कर सकेगा।

अनुच्छेद 10अंतरणकर्ता देश के लिए सज़ा के समापन का प्रभाव

जब प्राप्तकर्ता देश इस करार के अनुच्छेद 13 के पैराग्राफ 1 (क) के तहत अंतरणकर्ता देश को यह अधिसूचित करता है कि दण्ड पूरा हो गया है, तो ऐसी अधिसूचना अंतरणकर्ता देश में उस दण्ड को पूरा करने करने के संबंध में प्रभावी मानी जाएगी।

अनुच्छेद 11निर्णय और माफी, राजक्षमा अथवा लघुकरण की समीक्षा

1. केवल अंतरणकर्ता देश ही निर्णय की पुनरीक्षा के लिए किसी आवेदन-पत्र पर निर्णय लेगा।

2. कोई भी संविदाकार देश अपने संविधान अथवा अन्य कानूनों के अनुरूप दण्ड की माफी, राजक्षमा प्रदान कर सकेगा अथवा दण्ड का लघुकरण कर सकेगा।

अनुच्छेद 12दण्ड के प्रवर्तन की समाप्ति

1. अंतरणकर्ता देश अपने क्षेत्र में लिए गए किसी भी निर्णय की सूचना तुरंत प्राप्तकर्ता देश को देगा जिसके लिए सजा या उसके भाग के प्रवर्तन को समाप्त करना आवश्यक होगा।

2. जैसे ही अंतरणकर्ता देश द्वारा किसी भी ऐसे निर्णय अथवा उपाय की सूचना दी जाती है, जिसके परिणामस्वरूप दण्ड का प्रवर्तन समाप्त हो गया हो, तो प्राप्तकर्ता देश दण्ड के प्रवर्तन को समाप्त कर देगा।

अनुच्छेद 13दण्ड के प्रवर्तन संबंधी सूचना

1. प्राप्तकर्ता देश अंतरणकर्ता देश को अधिसूचित करेगा :

(क) जब दण्ड का प्रवर्तन पूरा कर लिया गया हो; अथवा

(ख) यदि दण्ड का प्रवर्तन पूरा होने से पहले दण्डित व्यक्ति हिरासत से भाग जाता है। ऐसे मामलों में प्राप्तकर्ता देश को चाहिए कि वह दण्डित व्यक्ति की गिरफ्तारी का हर-संभव प्रयास करेगा ताकि वह स्वयं को मिले दण्ड का शेष भाग पूरा कर सके और यह कि क़ैदी के भाग निकलने के बारे में प्राप्तकर्ता देश के संगत कानून के अन्तर्गत अपराध के लिए क़ैदी पर अभियोग चलाया जा सके।

2. यदि अंतरणकर्ता देश द्वारा अपेक्षित हो, तो प्राप्तकर्ता देश दण्ड के प्रवर्तन के संबंध में एक विशेष रिपोर्ट प्रस्तुत करेगा।

अनुच्छेद 14

पारगमन

यदि कोई भी संविदाकार देश दण्डित व्यक्तियों के अंतरण के लिए किसी तीसरे देश के साथ कोई व्यवस्था करता है, तो दूसरा संविदाकार देश ऐसी व्यवस्था के अनुसरण में अपने भू-भाग से अंतरित किए जाने वाले दण्डित व्यक्तियों के पारगमन को सुकर बनाने में सहयोग करेगा सिवाय इसके कि वह किसी ऐसे दण्डित व्यक्ति के पारगमन से इन्कार करे:

(क) यदि दण्डित व्यक्ति यहीं का राष्ट्रिक हो।

(ख) यदि अनुरोध से संविदाकार देश की संप्रभुता, सुरक्षा, लोक व्यवस्था या कोई अन्य महत्वपूर्ण हित का अतिलंघन होता है।

2. ऐसे अंतरण का इच्छुक संविदाकार देश दूसरे संविदाकार देश को ऐसे पारगमन के बारे में अग्रिम नोटिस देगा।

अनुच्छेद 15लागत

अंतरणकर्ता देश के अनन्य भू-भाग में होने वाले व्ययों को छोड़कर, इस क़रार को लागू करने में हुए किसी भी व्यय को प्राप्तकर्ता देश द्वारा वहन किया जाएगा। तथापि, प्राप्तकर्ता देश, अंतरण में होने वाले सम्पूर्ण अथवा आंशिक व्यय की वसूली दण्डित व्यक्ति अथवा किसी अन्य स्रोत से प्राप्त कर सकता है।

अनुच्छेद 16

भाषा

अनुरोध एवं सहायक दस्तावेज अंग्रेजी में होंगे या उनके साथ अंग्रेजी अनुवाद होगा।

अनुच्छेद 17लागू होने का दायरा

यह क़रार, इसके प्रभावी होने की तारीख से पहले या बाद में लगाए गए दण्ड के प्रवर्तन पर लागू होगा।

अनुच्छेद 18विवादों का निपटारा

1. केन्द्रीय प्राधिकरण इस क़रार की व्याख्या, इसके लिए लागू होने या कार्यान्वयन से पैदा होने वाले किसी भी विवाद को परस्पर सुलझाने का प्रयास करेगा।

2. यदि केन्द्रीय प्राधिकरण विवाद को परस्पर सुलझाने में समर्थ नहीं होते हैं तो इसे राजनयिक चैनलों के माध्यम से सुलझाया जाएगा।

अनुच्छेद 19 दण्डित व्यक्तियों को सौंपा जाना

1. अंतरणकर्ता देश द्वारा दण्डित व्यक्ति को प्राप्तकर्ता देश को सौंपे जाने की तारीख एवं स्थान यह होगा जिसके बारे में अंतरणकर्ता देश एवं प्राप्तकर्ता देश के बीच सहमति होगी। प्राप्तकर्ता देश अंतरणकर्ता देश से कैदी को ले जाने के लिए जिम्मेदार होगा तथा अंतरणकर्ता देश के क्षेत्र से बाहर दण्डित व्यक्ति की अभिरक्षा के लिए भी जिम्मेदार होगा।

2. दण्डित व्यक्ति को सौंपे जाने का कार्य अंग्रेजी भाषा में लिखित रूप में दो प्रतियों में होगा तथा सभी पाठ समान रूप से प्रमाणित होंगे। प्रत्येक संविदाकार राष्ट्र एक पाठ को रखेगा।

अनुच्छेद 20संशोधन

संविदाकार देशों द्वारा सहमत इस क़रार में कोई संशोधन अथवा आशोधन क़रार में उल्लिखित तरीके के अनुसार ही प्रभावी होगा।

अनुच्छेद 21 अंतिम प्रावधान

1. प्रत्येक संविदाकार राष्ट्र इस क़रार के लागू होने के लिए अपेक्षित विधिक प्रक्रियाओं को पूरा होने के बाद राजनयिक चैनलों के माध्यम से लिखित में यथाशीघ्र अन्य पक्षकार को सूचित करेगा। यह क़रार पिछली अधिसूचना की तारीख के दूसरे माह के प्रथम दिन को लागू होगा।

2. यह क़रार अनिश्चित अवधि के लिए लागू रहेगा। तथापि, इसे किसी भी संविदाकार देश द्वारा दूसरे संविदाकार देश को इसकी समाप्ति का लिखित नोटिस देकर समाप्त किया जा सकेगा। इसकी समाप्ति ऐसे नोटिस की तारीख से छः महीने बाद प्रभावी होगी।

3. किसी भी परिसमापन के बावजूद, यह क़रार उन दण्डित व्यक्तियों के दंडों के प्रवर्तन पर लागू रहेगा जिन्हें इस परिसमापन के लागू होने की तारीख से पहले इस क़रार के अंतर्गत अंतरित किया गया हो।

4. यह क़रार अंतर्राष्ट्रीय संधियों या अन्य क़रारों जिनके वे पक्षकार हैं, के अंतर्गत संविदाकार देशों के अधिकारों या दायित्वों को प्रभावित नहीं करेगा।

इस क़रार के साक्ष्य के रूप में, अपने संबंधित प्राधिकारियों द्वारा इस संबंध में विधिवत रूप से प्राधिकृत किए जाने पर अधोहस्ताक्षरी ने इस क़रार पर हस्ताक्षर किए हैं।

इसके सभी पाठ समान रूप से अधिप्रमाणित होने के नाते इसे २०२३ में वर्ष के माह नवम्बर की तारीख १ को हिन्दी, वियतनामी एवं अंग्रेजी भाषाओं में दो (2) प्रतियों में तैयार किया गया है। व्याख्या में मतभेद की स्थिति में अंग्रेजी पाठ मान्य होगा।

भारत गणराज्य
की ओर से

सुशील कुमार शिंदे
केंद्रीय गृह मंत्री

वियतनाम सोशलिष्ट गणराज्य
की ओर से

चन् द्राए क्वांग
सार्वजनिक सुरक्षा मंत्री

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng